|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TT-BKHĐT  **DỰ THẢO 3 14/03/2024**  **/2024** | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**THÔNG TƯ**

**Ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã,**

**liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã**

*Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ* [*Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ quy định chi*](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Nghi-dinh-116-2008-ND-CP-chuc-nang-nhiem-vu-quyen-han-co-cau-to-chuc-Bo-Ke-hoach-va-Dau-tu/81590/noi-dung.aspx) *tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;*

*Căn cứ Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ quy định về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ* [*Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư*](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Nghi-dinh-116-2008-ND-CP-chuc-nang-nhiem-vu-quyen-han-co-cau-to-chuc-Bo-Ke-hoach-va-Dau-tu/81590/noi-dung.aspx)*;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đăng ký kinh doanh;*

*Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về biểu mẫu áp dụng trong đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cả nước; quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

1. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động có liên quan của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. *Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã* bao gồm cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã, cơ sở dữ liệu về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ sở dữ liệu liên quan và hạ tầng kỹ thuật hệ thống được xây dựng thống nhất từ Trung ương đến địa phương; được chuẩn hóa để cập nhật, khai thác và quản lý bằng công nghệ thông tin.

2. *Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã* là cổng tích hợp thông tin về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên phạm vi cả nước và các thông tin liên quan khác nhằm phục vụ công tác theo dõi, điều hành, quản lý nhà nước về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. *Cơ sở dữ liệu về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi tắt là Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã)* là tập hợp thông tin về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được xây dựng, cập nhật, duy trì để quản lý, khai thác và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử. Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã được lưu trữ trong Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã theo phân cấp quản lý và được sao lưu trên phương tiện lưu trữ chuyên dụng để dự phòng rủi ro.

4. *Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã* là cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã tại các bộ, ngành, cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp tại địa phương.

**Điều 3.**  **Hệ thống biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và phục vụ khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã**

1. Mẫu văn bản quy định cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm:

a) Biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm các biểu mẫu từ Phụ lục I-1 đến Phụ lục I-17 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác bao gồm các biểu mẫu từ Phụ lục II-1 đến Phụ lục II-6 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Mẫu văn bản quy định cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trong giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm:

a) Biểu mẫu cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trong đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm các biểu mẫu từ Phụ lục III-1 đến Phụ lục III-30 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biểu mẫu cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trong đăng ký tổ hợp tác bao gồm các biểu mẫu từ Phụ lục IV-1 đến Phụ lục IV-10 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Biểu mẫu phục vụ khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã bao gồm các biểu mẫu từ Phụ lục V-1 đến Phụ lục V-4 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Danh mục chữ cái và ký hiệu sử dụng trong đặt tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiện hợp tác xã quy định tại Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Cách ghi các mẫu giấy dùng chung cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Danh mục các biểu mẫu sử dụng trong đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và phục vụ khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã ban hành kèm theo Thông tư này.

# **Chương II**

**NỘI DUNG THÔNG TIN, VIỆC CẬP NHẬT, KHAI THÁC VÀ QUẢN LÝ HỆ THỐNG THÔNG TIN QUỐC GIA VỀ HỢP TÁC XÃ**

**Điều 4. Nguyên tắc thực hiện**

1. Công tác xây dựng, cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã được thực hiện thống nhất, đồng bộ, khoa học, phản ánh đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; bảo đảm tập trung tối đa nguồn lực, rút ngắn thời gian trong việc thu thập, chỉnh sửa, cập nhật, khai thác thông tin.

2. Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin theo quy định của pháp luật. Việc xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

## Điều 5. Nội dung thông tin

1. Đối với tổ hợp tác: Thống nhất sử dụng mẫu biểu tại Phụ lục V-1 kèm theo Thông tư này để chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã.

2. Đối với hợp tác xã: Thống nhất sử dụng mẫu biểu tại Phụ lục V-2 kèm theo Thông tư này để chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã.

3. Đối với liên hiệp hợp tác xã: Thống nhất sử dụng mẫu biểu tại Phụ lục V-3 kèm theo Thông tư này để chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã.

4. Đối với cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp: Thống nhất sử dụng mẫu biểu tại Phụ lục V-4 kèm theo Thông tư này để chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã.

**Điều 6. Cập nhật thông tin của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

1. Định kỳ trước ngày 15/01 hằng năm, tổ hợp tác cập nhật thông tin đến thời điểm 31/12 của năm trước theo biểu tại Phụ lục V-1, hợp tác xã cập nhật thông tin đến thời điểm 31/12 của năm trước theo biểu tại Phụ lục V-2, liên hiệp hợp tác xã cập nhật thông tin đến thời điểm 31/12 của năm trước theo biểu tại Phụ lục V-3.

Nội dung thông tin yêu cầutrung thực, đầy đủ, chính xác bằng văn bản (khi chưa có Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã) hoặc bằng dữ liệu điện tử trên Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã (sau khi hệ thống được chính thức đưa vào khai thác, sử dụng).

2. Khi Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã chưa chính thức đưa vào khai thác, sử dụng thì tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cập nhật thông tin đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

**Điều 7. Cập nhật thông tin Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã của cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp**

Định kỳ trước ngày 15/6 của năm và trước ngày 15/02 của năm tiếp theo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin theo biểu tại Phụ lục V-4 kèm theo Thông tư này gửi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

Định kỳ trước ngày 15/7 của năm và trước ngày 15/3 của năm tiếp theo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cập nhật thông tin theo biểu tại Phụ lục V-4 kèm theo Thông tư này gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Nội dung thông tin được cập nhật bằng văn bản (khi chưa có Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã) hoặc bằng dữ liệu điện tử trên Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã (sau khi hệ thống được chính thức đưa vào khai thác, sử dụng).

**Điều 8. Khai thác thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện quản lý, vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã, sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã để tổng hợp, phân tích các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về hợp tác xã, phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã với các hệ thống thông tin khác và khai thác thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Bộ, ngành, địa phương được khai thác, sử dụng dữ liệu tổng hợp, phân tích chung, dữ liệu về hợp tác xã của bộ, ngành, địa phương mình trong Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã; các dữ liệu này được chia sẻ mặc định để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được khai thác dữ liệu của hệ thống; được truy cập, sử dụng và khai thác dữ liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã đối với các dữ liệu dùng chung và tuân thủ việc khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.

**Điều 9. Quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện tạo lập tài khoản truy cập cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã tại các bộ, ngành liên quan có chức năng quản lý nhà nước về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện tạo lập tài khoản truy cập cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện tạo lập tài khoản truy cập cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.

4. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã có trách nhiệm tạo lập tài khoản truy cập, thực hiện cấp, hạn chế, mở rộng hoặc hủy quyền truy cập của tài khoản và thực hiện giao nhiệm vụ bằng văn bản cho cán bộ, công chức, viên chức được giao quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã.

5. Cán bộ, công chức, viên chức khi được giao nhiệm vụ có trách nhiệm truy cập vào tài khoản đã được cấp để cập nhập thông tin về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác theo từng ngành, lĩnh vực, địa phương vào Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã; thông tin phải đầy đủ, thống nhất định dạng kỹ thuật, phản ánh đầy đủ, chính xác theo mẫu đã được cấp có thẩm quyền quản lý xác nhận hoặc định dạng sẵn có trên Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

6. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đang thực hiện nhiệm vụ quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã chuyển đổi vị trí công tác đến cơ quan, đơn vị khác thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã theo phân cấp có trách nhiệm thực hiện hủy quyền truy cập vào Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã của cán bộ, công chức, viên chức đó và chuyển giao nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, viên chức phụ trách khác.

7. Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể thì cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã theo phân cấp thực hiện việc hủy quyền truy cập tài khoản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.

8. Trong vòng 05 ngày cuối từng tháng, người đứng đầu của cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã của bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm phê duyệt thông tin về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã của bộ, ngành, địa phương theo chức năng, phạm vi quản lý.

9. Người đứng đầu cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã có trách nhiệm giao nhiệm vụ bằng văn bản cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện thực hiện nhiệm vụ quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã; xây dựng quy chế nội bộ để phê duyệt dữ liệu bảo đảm phù hợp với quy định tại Thông tư này và việc phân cấp quản lý theo quy định.

**Điều 10. Kết nối, chia sẻ thông tin**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thiết lập và công bố các dịch vụ chia sẻ thông tin thuộc phạm vi Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

2. Việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác phải bảo đảm tuân thủ quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 11. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được giao quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã của bộ, ngành, địa phương**

1. Thông qua nghiệp vụ kỹ thuật, tổ chức việc bảo quản, lưu trữ cơ sở dữ liệu của cơ quan; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu của cơ quan mình và Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã theo quy định pháp luật.

2. Cung cấp dữ liệu về hợp tác xã bảo đảm chính xác, kịp thời theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Nghiên cứu, phát hiện các vấn đề chưa rõ hoặc mâu thuẫn trong Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã và những vấn đề nảy sinh trong quá trình quản lý, báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cơ sở dữ liệu xem xét, xử lý.

4. Đôn đốc việc hoàn thiện đầy đủ các trường thông tin trong dữ liệu về hợp tác xã thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

5. Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ công tác quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã theo yêu cầu công việc.

6. Chịu trách nhiệm bảo đảm bí mật, an toàn thông tin Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã của bộ, ngành, địa phương. Không tiết lộ, cung cấp thông tin tài khoản truy cập của cơ quan, đơn vị và tài khoản người dùng nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan, cấp có thẩm quyền về việc vi phạm các quy định về bảo đảm bí mật, an toàn thông tin.

7. Trường hợp vi phạm các quy định tại Thông tư này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có tài khoản truy cập**

1. Quản lý tài khoản được phân cấp; cấp, hạn chế, mở rộng hoặc hủy quyền truy cập vào Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã theo phân cấp quản lý.

2. Tổ chức thực hiện quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã theo quy định tại Thông tư này và quy định của cấp có thẩm quyền; chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra và hướng dẫn nghiệp vụ về công tác quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã của cơ quan cấp trên.

3. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã trong phạm vi quản lý; tham mưu xem xét, xử lý vi phạm cơ quan, đơn vị, cá nhân không cập nhật dữ liệu, có sai phạm trong cập nhật dữ liệu và bảo quản Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã theo phân cấp quản lý.

**Điều 13. Trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương**

1. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì xây dựng, duy trì, nâng cấp Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã; quản lý tài khoản quản trị, phân quyền cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu trong Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã phục vụ hoạt động quản lý nhà nước theo chức năng, thẩm quyền.

b) Chủ trì, hướng dẫn tổ chức, cá nhân có liên quan cập nhật, khai thác, quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã và tổng hợp thông tin trong phạm vi cả nước.

c) Chủ trì tổ chức việc vận hành, bảo trì, giám sát, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, phần mềm và biện pháp bảo đảm an toàn Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã ở các bộ, ngành, địa phương; tổ chức tập huấn công tác cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

đ) Phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan để xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

2. Trách nhiệm của các bộ, ngành, cơ quan liên quan

a) Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo số liệu để cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

b) Cung cấp thông tin về đơn vị, cá nhân đầu mối phụ trách Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Thông tư này về cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã liên quan đến ngành, lĩnh vực phụ trách.

d) Đảm bảo hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu ổn định, thông suốt, đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật, cấp độ an toàn thông tin theo quy định để kết nối, chia sẻ dữ liệu trong Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

đ) Ngân hàng Nhà nước thu thập, tổng hợp thông tin đối với quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng hợp tác xã theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng; thực hiện việc kết nối, chia sẻ thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

e) Các bộ, ngành khác thực hiện việc kết nối, chia sẻ thông tin chuyên ngành về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (nếu có) trên Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

3. Trách nhiệm của các địa phương

a) Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo số liệu để cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã tại địa phương.

b) Cung cấp thông tin về đơn vị, cá nhân đầu mối phụ trách Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Thông tư này về cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã tại địa phương.

d) Đảm bảo hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu ổn định, thông suốt, đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật, cấp độ an toàn thông tin theo quy định để kết nối, chia sẻ dữ liệu trong Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

đ) Tổ chức thực hiện việc cập nhật dữ liệu theo quy định tại Thông tư này; chịu trách nhiệm về tính kịp thời, đầy đủ, chính xác của thông tin được cập nhật trong Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

e) Tổng hợp tình hình hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã hoạt động theo mô hình hợp tác xã tại địa phương và cung cấp thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã (nếu có).

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 14. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

3. Bãi bỏ Điều 5 Thông tư số 09/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều khoản của các thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước và hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 15. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Văn phòng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - Trang điện tử Chính phủ, trang điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Công báo; - Lưu: VT, QLĐKKD (10b). | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Chí Dũng** |